

The 6th Hong Kong Masters Athletics Championships

第六屆香港先進田徑錦標賽

男子 M35 - 110米欄 (第1組) 線道 Name	2020-12-12 09:10 - (08:50~09:00) 姓名 組 別 編 號 團 體	4 WONG ROBERT 6 LEUNG CHI CHEONG	黄家豪 M35 35096 飛達 梁志鏘 M35 35100 南華
2 LEUNG CHI CHEONG	深志鏘 M35 35100 南華	8 LEUNG KA KIT GORDON	梁家傑 M35 35084 喇沙
4 SHAM HO KI KENNY	M35 35088 刺沙		,,,,
6 CHEUNG KA LAI	張嘉禮 M35 35097 南華	男子 M35 - 200米 (第1組)	2020-12-12 10:15 - (09:55~10:05)
8 CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚 M35 35045 拔萃	線道 Name	姓名 組 別 編 號 團 體
•		1 SO CHI PONG	蘇智邦 M35 35094 飛達
男子 M35 - 100米 (第1組)	2020-12-13 14:10 - (13:50~14:00)	2 GIBBS Alistair	M35 35070 AVOHK
線道 Name	姓名 組 別 編 號 團 體	4 SZETO TIMOTHY MAN HO	司徒民浩 M35 35089 喇沙
2 Sit Kin Ngok	薛建岳 M35 35039 張振興	5 YIP PAUL SHEUNG LAI	葉尚澧 M35 35069 拔萃
4 LEUNG NGAI	梁毅 M35 35058 拔萃	6 LAU HING	劉鑫 M35 35099 南華
6 CHUNG KOON TING	鍾冠廷 M35 35106 屈臣氏	7 WONG ROBERT	黄家豪 M35 35096 飛達
8 SO CHI PONG	蘇智邦 M35 35094 飛達	8 LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘 M35 35100 南華
男子 M35 - 100米 (第 2 組) 線道 Name	2020-12-13 14:10 - (13:50~14:00) 姓名 組 別 編 號 團 體	男子 M35 - 200米 (第2組) 線道 Name	2020-12-12 10:15 - (09:55~10:05) 姓名 組 別 編 號 團 體
2 WONG WAH	黄樺 M35 35067 拔萃	1 CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業 M35 35047 拔萃
4	譚浩生 M35 35071 HKMP	4 TSE MAN HO	謝文浩 M35 35095 飛達
6 CHEUNG CHE WAI	張志偉 M35 35092 飛達	5 YAN HO CHUN	般浩俊 M35 35068 拔萃
8 MAUDUIT ARNAUD	M35 35036 AVOHK	6 Sit Kin Ngok	薛建岳 M35 35039 張振興
TT 7 1 10 5 1 1 0 0 1/2 (875 0 4T)		7 CHEUNG CHE WAI	張志偉 M35 35092 飛達
男子 M35 - 100 米 (第 3 組) 線道 Name	2020-12-13 14:10 - (13:50~14:00) 姓名 組 別 編 號 團 體	8 CHEUNG KA LAI	張嘉禮 M35 35097 南華
2 GIBBS Alistair	M35 35070 AVOHK	男子 M35 - 400米 (第 1 組)	2020-12-13 10:50 - (10:30~10:40)
4 CHEUNG KA LAI	張嘉禮 M35 35097 南華	線道 Name	姓名 組 別 編 號 團 體
6 CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚 M35 35045 拔萃	1 SO CHI PONG	蘇智邦 M35 35094 飛達
8 SZETO TIMOTHY MAN HO	司徒民浩 M35 35089 喇沙	4 NG KEVIN	吳偉基 M35 35062 拔萃
		5 CHEUNG KEI	M35 35073 意大利跑會
男子 M35 - 100米 (第 4 組)	2020-12-13 14:10 - (13:50~14:00)	7 MAUDUIT ARNAUD	M35 35036 AVOHK
線道 Name	姓名 組 別 編 號 團 體	- 8 LAU WAI HO VIO	劉偉豪 M35 35072 HKMP
2 WONG CHI FAI	黄志輝 M35 35512 屈臣氏	<u> </u>	2411 45









The 6th Hong Kong Masters Athletics Championships

第六屆香港先進田徑錦標賽



	135 - 400米 (第 2 組) Name	2020-1 姓名	2-13 10 組 別):50 - (10:3 編 號	30~10:40) 團 體		//30~M35 - 五千米 (第1組) Name	2020-1 姓名	L2-13 13 組 別	3:00 - (12: ² 編 號	40~12:50) 團 體
1	WONG MAN YUI	黄文銳	M35	35104	公民	15	LAU BENTLEY TING PONG	劉定邦	M35	35055	拔萃
5	CHIU NGOK HEI	晁岳熙	M35	35048	拔萃	16	HUI SIU TUNG	許兆東	M35	35051	拔萃
6	WONG ROBERT	黄家豪	M35	35096	飛達	17	CHAN TSZ LEUNG	陳梓良	M35	35041	懲教署
7	LAU HING	劉鑫	M35	35099	南華	18	LEE CHI WING GORDON	李志榮	M35	35093	飛達
8	LAW CHUN KIN	羅俊健	M35	35077	怡和	19	LEUNG CHIN KIN	梁展健	M35	35057	拔萃
# 7.	120 M25 000V (** 1 40)	2020 1	2 1 2 1 4	OF (146	NE 141E)	20	WORTH ADRIAN		M35	35075	意大利跑會
	130~M35 - 800米 (第1組) Name	2020-1 姓名	.2-12 14 組 別	::25 - (14:l 編 號)5~14:15) 團 體	21	YEUNG WAI LOK	楊偉諾	M35	35042	懲教署
1	LAW CHUN KIN	羅俊健	M35	35077		22	FLETCHER SAMUEL		M35	35074	意大利跑會
2	SHEK ANTHONY	在恆聰	м35 М35	35064	拔萃	23	LAM WAI HEI	林偉熹	M35	35098	南華
3	HUI SIU TUNG	許兆東	м35 М35	35051	拔萃	24	HUI CHEUK YIN DEREK	許焯彥	M35	35082	喇沙
5	TAM SIO WA	可	м35 М35	35078	松 年 怡和	25	CHAN TSZ CHUNG	陳子聰	M35	35044	拔萃
6	MA DICKSON SIU HANG	ログ 年 馬兆鏗	м35 М35	35086	喇沙	26	CHENG FU ON	鄭富安	M35	35046	拔萃
9	WOO DAVID	M 70 班	M35	35037	AVOHK	27	WUN YIU CHEONG	溫耀昌	M35	35105	公民
10	HUI CHEUK YIN DEREK	許焯彥	M35	35082	州沙	28	WOO DAVID		M35	35037	AVOHK
11	CHENG FU ON	鄭富安	M35	35046	拔萃	29	SAT KA CHUN		M35	35087	喇沙
12	CHEUNG KEI	对 田 文	M35	35073	意大利跑會	30	WONG PATRICK	黃君豪	M35	35066	拔萃
14	LAM HO YIN	林浩賢	м35 М35	35083	思	31	LAW CHUN KIN	羅俊健	M35	35077	怡和
14	LAM HO TTN	作石貝	MOJ	00000	*10	32	LAI CHUN HUNG	黎振雄	M35	35107	屈臣氏
男子 №	130~M45 - 3000米競走 (第1組)	2020-1	2-13 09	:05 - (08:4	15~08:55)	33	CHOR PAK HOO	左柏豪	M35	35049	拔萃
線道	Name	姓名	組別	編號	團 體	34	CHOW YIU MING	周耀明	M35	35050	拔萃
3	KO KA FAI	高嘉輝	M35	35053	拔萃	35	MAUDUIT ARNAUD		M35	35036	AVOHK
4	TSE CHUN HUNG	謝振雄	M35	35102	神行太保	36	LI CHUNG LUN LAWRENCE	李宗倫	M35	35060	拔萃
5	SAT KA CHUN		M35	35087	喇沙	田フト	42F 4V100V (禁 1 4P)	2020 1	12 12 14	C-20 (1 C-:	10 16:20)
6	KAM HOI FUNG EDWARD	甘凱鋒	M35	35052	拔萃		/135 - 4X100米 (第1組) Name	2020-1 姓 <i>名</i>	LZ-IZ II 組 別	6:30 - (16:1 編 號	IU~16:20) 團 體
7	HONG KWAN YU	康鈞宇	M35	35101	神行太保	1	DBSAC M35 4X100M (B)	エル	M35	1/m 1// 1// 1// 1// 1// 1// 1// 1// 1//	
						2	WAC M35 4X100M (B)		M35		級 + 屈臣氏
						_	into mod militaria (b)		11100		шшу









The 6th Hong Kong Masters Athletics Championships

第六屆香港先進田徑錦標賽

男子 M35 - 4X100米 (第1組) 線道 Name	2020-12-12 16:30 - (16:10~ 姓名 組 別 編 號 [10.20)	LING TSZ KIT Chow Wai Kin	凌子傑 M35 周偉健 M35		拔萃 張振興
4 DBSAC M35 4X100M (A) 5 JSA M35 4X100M 6 SCAA M35 4X100M 7 WAC M35 4X100M (A)	M35 M35 M35	#序 相華 用E氏 2	Name CHAN KWOK HEI MATTHEW CHOW CHUN HIN ERIC	2020-12-13 姓名 組 陳國熙 M35 周俊軒 M35		5~13:25) 團 體 聖若瑟 喇沙
8 LSCAC M35 4X100M 男子 M35 - 4X400米 (第1組) 線道 Name	2020-12-13 16:30 - (16:10~ 姓名 組 別 編 號 [喇沙 -16:20) 團 體 男子 M: 連 排序	CHOR PAK HOO 35-跳遠(第1組)	左柏豪 M35 2020-12-12		拔萃
1 LSCAC M35 4X400M (B) 4 JSA M35 4X400M 5 DBSAC M35 4X400M (A) 6 SCAA M35 4X400M 7 DBSAC M35 4X400M (B) 8 LSCAC M35 4X400M (A)	M35 M35 M35 M35	型 1 2 3 4 5	IP KA YEUNG THOMAS WONG GAR LAKE CHU YIM PUI JONATHAN SO CHI PONG SHE WONG HOI LEUNG KA KIT GORDON	葉家陽 M35 黄嘉力 M35 朱炎培 M35 蘇智邦 M35 石黃海 M35 梁家傑 M35	35076 35065 35081 35094 35063	1 怡拔喇飛拔喇~
男子 M35 - 推鉛球 (第 1 組) 排序 Name	2020-12-12 08:40 - (08:20~ 姓名 組 別 編 號 [-08:30) 7	WONG MAN YUI NG KEVIN	ボネホ M35 黄文鋭 M35 吳偉基 M35	35104	利 公 民 拔萃
1 CHAN KWOK HEI MATTHEW 2 CHEUNG KEI 3 LING TSZ KIT	M35 35073 意。	大利跑會 10 拔萃	LEUNG CHI CHEONG SHAM HO KI KENNY	梁志鏘 M35 M35	35088	南華 喇沙
男子 M35 - 擲標槍 (第1組) 排序 Name		· 15:00) 排序 團 體 1	CHU YIM PUI JONATHAN	朱炎培 M35		團 體 喇沙
 CHAN BARON CHAN KWOK HEI MATTHEW Yeung Hau Mo CHEUNG TAI YIP KENO 	陳國熙 M35 35103 楊翰武 M35 35040 3	-	WONG GAR LAKE LEUNG TSZ KI	黄嘉力 M35 梁子琦 M35		拔萃拔萃
5 KOLJONEN PAUL		拔萃				





